

Bản án số: 742/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 10 - 2019

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước Thuận
2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T – sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: đường H, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông VT – sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà T và ông VT tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số I/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh L cấp ngày 31/10/2003, có với nhau 01 con chung là T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông VT khai không có.

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/6/2019 cùng lời khai của bà T trình bày như sau: Từ năm 2003 bà T và ông VT phát sinh nhiều mâu thuẫn do công việc làm ăn vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm dần mất đi. Ông VT

thường xuyên ăn nhậu, say xỉn về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi bà T và con đi khỏi nhà, thậm chí còn tạt nước sôi vào lưng bà. Có lần ông VT đến tận trường học của con, đánh chửi con, đến khi con gần thi giấu hết sách vở của con hoặc đem ngâm nước hết. Hàng xóm xung quanh đều biết việc ông VT thường xuyên đánh đuổi vợ con. Bên cạnh đó ông VT không chăm lo cho vợ con, kinh tế gia đình khó khăn nhưng ông VT đưa vài chục ngàn đồng để mua gạo, còn lại học phí của con và các chi phí khác do bà T gánh vác. Mỗi lần bị ông VT đánh chửi, đuổi đi bà T phải dắt con chạy về quê. Từ tháng 4/2019, do ông VT tiếp tục đuổi bà T và con đi nên bà T cùng trẻ Tâm ra ngoài mượn nhà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh để cho trẻ đi học nhưng không dám cho ông VT biết vì sợ ông VT gây rối. Trong thời gian, Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, ông VT không có biểu hiện hòa giải với bà mà còn đến chỗ bà T thuê nhà nói chủ nhà đuổi mẹ con bà T đi không cho ở và đến chỗ bà làm công gây rối, làm bà không thể đi làm được nữa, ông VT còn hăm dọa sẽ tạt nước sôi và axit bà.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ông VT vì ông VT không thể thay đổi tính tình. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông VT để ổn định cuộc sống của bà và con.

Về con chung: Hiện trẻ T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003 đang do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con do bà có đủ khả năng nuôi dạy con tốt và trẻ Tâm cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Bà T không yêu cầu ông VT cấp dưỡng nuôi con.

Ông VT là bị đơn trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều bất đồng trong công việc cũng như trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Do nóng tính, ông VT có chửi la mắng và đuổi vợ con vì không nghe lời của ông. Ông VT thừa nhận mỗi tuần có nhậu vài lần tại nhà khi có cháu đến chơi. Trước đây, ông VT có ném ấm nước sôi vào người bà T, nhưng là chuyện đã lâu và ông không cố ý. Từ khi bà T dẫn con đi nơi khác sống, ông VT có kêu bà T và con về nhà ở nhưng bà T và con không đồng ý về, nên không có hòa giải được với bà T. Ông VT có tới chỗ làm của bà T nhờ người chủ khuyên bà T về nhà ông VT sống nhưng bà T cũng không đồng ý. Ông VT thừa nhận có hăm dọa sẽ tạt nước sôi và axit bà T, nhưng ông không có làm thật.

Nay ông VT vẫn còn tình cảm với bà T, nên không đồng ý ly hôn và muốn vợ con về nhà để lo cho con ăn học ổn định nhưng ông không có cách nào để khuyên vợ con về nhà, cũng như không có cách để hòa giải với bà T.

Về con chung: Hiện trẻ T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003 đang do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông VT muốn con về nhà để lo cho con ăn học. Trong trường hợp đôi bên ly hôn thì ông VT yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và

phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 06/6/2019, bà T nộp đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2019 (có hình thức, nội dung theo Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự), xin ly hôn đối với ông Phan Văn VT , hiện đang cư trú tại đường B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

- Xét quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông VT tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số I/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh L cấp ngày 31/10/2003. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của bà T và ông VT là hợp pháp.

Xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông VT khai có những quan điểm bất đồng trong cuộc sống, như vậy giữa bà T và ông VT đã có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Phía ông VT thừa nhận có chửi la mắng, đuổi vợ con đi và ném ấm nước sôi vào người bà T, chứng tỏ ông VT đã có hành vi bạo lực gia đình, dẫn đến việc bà T phải dẫn con đi sống nơi khác và ly thân với ông VT từ tháng 4/2019 đến nay.

Năm 2016 bà T có nộp đơn xin ly hôn ông VT, sau đó đã rút đơn và nay xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung với ông VT nên yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn VT. Ông VT cho rằng còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, tại phiên tòa ông VT không thể thuyết phục vợ con về sống chung, cũng như không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của bà T ông VT đã không thể hòa giải được.

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông VT lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, có cơ sở kết luận việc bà T xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 292 quyển số II/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn T huyện T tỉnh L cấp ngày 31/10/2003 và lời khai của đương sự, đủ cơ sở xác định bà T và ông VT có 01 con chung tên T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003.

Xét: Ngày 04/7/2019 trẻ T1 có bản tự trình bày nguyện vọng được sống với mẹ. Như vậy, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Bên cạnh đó, bà T và ông VT đều thừa nhận con đang sống với bà T, trong bản ghi nguyện vọng trẻ Tâm còn trình bày “*lý do không muốn sống với ba: ba lúc nào cũng ăn nhậu và không lo làm ăn, suốt ngày cứ kiếm chuyện chửi bới và đuổi đi*”. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao trẻ T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông VT cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông VT khai không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông VT khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, thì bà T chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0011263, ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 189, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà T :

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà T được ly hôn ông VT .

- Về con chung:

Bà T và ông VT có 01 (một) con chung tên là T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003.

Giao trẻ T1 (nam), sinh ngày 07/8/2003 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông VT cấp dưỡng nuôi con.

Ông VT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết

định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông VT khai không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Bà T và ông VT khai không có nợ chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T chịu án phí là 300.000(Ba trăm nghìn)đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0011263, ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà T và ông VT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa